

Số: 101/QĐ-NHNo.TV-TH

Trà Vinh, ngày 27 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**V/v phê duyệt sửa đổi E-HSMT gói thầu Xây dựng, lắp đặt
thiết bị và thí nghiệm cọc thuộc dự án: Đầu tư xây dựng công trình
Trụ sở Agribank chi nhánh huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh
(Nay là Trụ sở Agribank chi nhánh Cầu Kè Trà Vinh)**

GIÁM ĐỐC AGRIBANK CHI NHÁNH TRÀ VINH

*Căn cứ Luật đấu thầu số 22/2023/QH15; sửa đổi, bổ sung một số điều theo
Luật số 57/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ về việc quy
định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;*

*Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/8/2025 của Bộ Tài chính về
việc hướng dẫn cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và Căn cứ Luật Đầu tư
công ngày 29/11/2024;*

*Căn cứ Quy chế số 1399/QC-HĐTV-QLĐT ngày 02/12/2024 của Hội đồng
thành viên Agribank về Quản lý đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Quy định số 4277/QĐ-NHNo-QLĐT ngày 17/12/2024 của Tổng Giám
đốc Agribank về Quản lý đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Quyết định số 2628/QĐ-NHNo-QLĐT ngày 09/12/2020 của Tổng
Giám đốc về phê duyệt dự án đầu tư và kế hoạch lựa chọn nhà thầu;*

*Căn cứ Quyết định số 1229/QĐ-NHNo-QLĐT ngày 22/4/2025 của Tổng
Giám đốc về phê duyệt điều chỉnh dự án và kế hoạch lựa chọn nhà thầu;*

*Căn cứ Quyết định số 4378/QĐ-NHNo-QLĐT ngày 22/12/2025 của Tổng
Giám đốc Agribank về Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở và dự toán
gói thầu, Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu “Tư vấn
giám sát thi công xây dựng, thiết bị”, “Tư vấn thẩm định hồ sơ mời thầu, kết quả
lựa chọn nhà thầu gói thầu Xây dựng, lắp đặt thiết bị và thí nghiệm cọc”, “Nội
thất bàn quầy giao dịch” Công trình: Trụ sở Agribank chi nhánh huyện Cầu Kè,
tỉnh Trà Vinh (Nay là Trụ sở Agribank chi nhánh Cầu Kè Trà Vinh);*

*Căn cứ Văn bản số 53/NHNo-QLĐT ngày 05/01/2026 của Tổng Giám đốc
Agribank về việc chuyển tiếp kế hoạch vốn đầu tư xây dựng năm 2025 sang năm 2026;*

*Căn cứ quyết định số 274/QĐ-NHNo.TV-TH ngày 13/3/2026 về việc phê duyệt
E-HSMT gói thầu Xây dựng, lắp đặt thiết bị và thí nghiệm cọc thuộc dự án Đầu tư xây*

dựng công trình Trụ sở Agribank chi nhánh huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh (Nay là Trụ sở Agribank chi nhánh Cầu Kè Trà Vinh);

Căn cứ nội dung làm rõ E-HSMT ngày 26/3/2026;

Căn cứ Văn bản số 263/2026/CV-VĐ ngày 26/3/2026 của Công ty TNHH Đầu tư xây dựng và thương mại Viễn Đông về việc đề nghị sửa đổi một số nội dung của E-HSMT gói thầu: Xây dựng, lắp đặt thiết bị và thí nghiệm cọc thuộc dự án Đầu tư xây dựng công trình Trụ sở Agribank chi nhánh huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh (Nay là Trụ sở Agribank chi nhánh Cầu Kè Trà Vinh);

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt sửa đổi E-HSMT gói thầu: Xây dựng, lắp đặt thiết bị và thí nghiệm cọc, với các nội dung cụ thể như sau:

1. Về hạng mục Nhà xe: Phạm vi công việc của hạng mục Nhà xe dành cho nhân viên (ký hiệu 3B) và Nhà xe dành cho khách hàng (ký hiệu 3A) là giống nhau. Đề nghị Nhà thầu căn cứ hồ sơ thiết kế để rà soát, tính toán và lập giá dự thầu phù hợp. Đồng thời, chúng tôi cập nhật khối lượng hạng mục Nhà xe trong Bảng khối lượng mời thầu tương ứng với 02 nhà xe (chi tiết tại tài liệu kèm theo).

2. Về hạng mục đường dây và trạm biến áp: Đính kèm hồ sơ thiết kế của hạng mục đường dây và trạm biến áp để Nhà thầu nghiên cứu, làm cơ sở lập giá dự thầu.

3. Các nội dung khác giữ nguyên theo E-HSMT đã phát hành theo quyết định 274/QĐ-NHNo.TV-TH ngày 13/03/2026.

Điều 2. Giao Ban điều hành dự án phối hợp với Tổ chuyên gia thuộc Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Thương mại Viễn Đông, Công ty cổ phần đầu tư DAMIK chịu trách nhiệm thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục, quy chuẩn, quy phạm theo quy định của Agribank và của Nhà nước, bảo đảm khối lượng, chất lượng công việc và tiến độ thực hiện hợp đồng, đảm bảo toàn bộ quá trình triển khai tuân thủ đúng quy định pháp luật hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Ban điều hành dự án, Tổ chuyên gia thuộc Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Thương mại Viễn Đông, Công ty cổ phần đầu tư DAMIK, Trưởng phòng Kế toán và Ngân quỹ, Trưởng phòng Tổng hợp Agribank chi nhánh Trà Vinh và các cá nhân, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: TH.

GIÁM ĐỐC



Phạm Văn Thái

PHỤ LỤC
BẢNG KHỐI LƯỢNG MỜI THẦU TƯƠNG ỨNG VỚI 02 NHÀ XE
(Đính kèm Quyết định số 101/QĐ-NHNo.TV-TH ngày 27/3/2026)

Stt	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Mô tả hàng hóa, hạng mục công việc	Yêu cầu về xuất xứ đối với hàng hóa (nếu có)
2.3	NHÀ XE	0	0,00	Theo quy định tại Chương V	
2.3.1	Đào móng công trình, chiều rộng móng $\leq$ 6m, bằng máy đào 0,8m ³ , đất cấp I	100m ³	0,34	Theo quy định tại Chương V	
2.3.2	Đóng cọc cừ tràm đáy bể, mật độ 25 cọc/1m ² , cọc dài 4m	100m	12	Theo quy định tại Chương V	
2.3.3	Đổ bê tông lót thủ công bằng máy trộn, chiều rộng $\leq$ 250 cm, đá 4x6, mác 150	m ³	1,632	Theo quy định tại Chương V	
2.3.4	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông móng, chiều rộng $\leq$ 250 cm, đá 1x2, mác 250	m ³	3,672	Theo quy định tại Chương V	
2.3.5	Ván khuôn gỗ. Ván khuôn móng cột	100m ²	0,16	Theo quy định tại Chương V	
2.3.6	Công tác gia công lắp dựng cốt thép móng, đường kính $\leq$ 10mm	tấn	0,07	Theo quy định tại Chương V	
2.3.7	Công tác gia công lắp dựng cốt thép móng, đường kính $\leq$ 18mm	tấn	0,156	Theo quy định tại Chương V	



Stt	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Mô tả hàng hóa, hạng mục công việc	Yêu cầu về xuất xứ đối với hàng hóa (nếu có)
2.3.8	Đắp đất công trình bằng đầm đất cầm tay 70kg, độ chặt yêu cầu K=0,95	100m ³	0,288	Theo quy định tại Chương V	
2.3.9	Vận chuyển đất, đất cấp I	100m ³	0,052	Theo quy định tại Chương V	
2.3.10	Đổ bê tông nền bằng máy bơm bê tông, đá 1x2, mác 250,	m ³	23,326	Theo quy định tại Chương V	
2.3.11	Láng nền sàn không đánh màu, dày 2cm, vữa XM mác 75	m ²	165,372	Theo quy định tại Chương V	
2.3.12	Bu lông B4.6 - M18 liên kết chân cột	con	32	Theo quy định tại Chương V	
2.3.13	Gia công, lắp đặt sườn gia cường chân cột	tấn	0,008	Theo quy định tại Chương V	
2.3.14	Gia công cột bằng thép hình	tấn	0,25	Theo quy định tại Chương V	
2.3.15	Gia công hệ khung dầm	tấn	0,258	Theo quy định tại Chương V	
2.3.16	Lắp dựng cột thép các loại	tấn	0,249	Theo quy định tại Chương V	
2.3.17	Lắp dựng kết cấu thép hệ khung dầm	tấn	0,258	Theo quy định tại Chương V	
2.3.18	Gia công xà gồ bằng thép hộp 30x60x2	tấn	0,724	Theo quy định tại Chương V	
2.3.19	Lắp dựng xà gồ thép	tấn	0,7234	Theo quy định tại Chương V	
2.3.20	Sơn sắt thép bằng sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ	m ²	69,18	Theo quy định tại Chương V	
2.3.21	Lợp mái che tường bằng tôn múi, dày 0.47mm	100m ²	1,484	Theo quy định tại Chương V	

Stt	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Mô tả hàng hóa, hạng mục công việc	Yêu cầu về xuất xứ đối với hàng hóa (nếu có)
2.3.22	Máng thu nước	mđ	30	Theo quy định tại Chương V	
2.3.23	CẤP THOÁT NƯỚC	0	0	Theo quy định tại Chương V	
2.3.24	Cầu chắn rác D60	cái	8	Theo quy định tại Chương V	
2.3.25	Ống nhựa uPVC D60 Class 2	100m	0,48	Theo quy định tại Chương V	
2.3.26	Chếch nhựa uPVC D60	cái	16	Theo quy định tại Chương V	
2.3.27	Măng sông nhựa uPVC D60	cái	12	Theo quy định tại Chương V	
2.3.28	PHẦN ĐIỆN, CHIẾU SÁNG	0	0	Theo quy định tại Chương V	
2.3.29	Đèn tuýp 1.2m Led 1x18W	bộ	12	Theo quy định tại Chương V	
2.3.30	Dây Cu/PVC 1x1.5mm ²	m	240	Theo quy định tại Chương V	
2.3.31	Ống luồn dây D16	m	40	Theo quy định tại Chương V	
2.3.32	Ống luồn dây HDPE40/30	100m	0,8	Theo quy định tại Chương V	

